TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 696/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 07 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 577/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Ngô Ngọc B, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 482 H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông Trần Duy K, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: 482 H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được quy định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2020 ngày 03/9/2020. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà B và ông K yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K xác nhận trong quá trình chung sống không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 105/2020 cấp ngày 03/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Ngọc B và ông Trần Duy K phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0019820 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân